

PHÁT BIỂU CẢM NGHĨ TÁC PHẨM

SỐNG CHẾT MẶC BAY – VĂN MẪU 7

Đề bài: Phát biểu cảm nghĩ về truyện ngắn Sống chết mặc bay của Phạm Duy Tồn.

Bài mẫu 1

Trong truyện Sống chết mặc bay của Phạm Duy Tồn được in trên báo Nam Phong, số 18, năm 1918. Đến năm 1989, Nhà xuất bản khoa học xã hội tuyển chọn đưa vào tập Truyện ngắn Nam Phong. Tác phẩm được xem là "bông hoa đầu mùa" của truyện ngắn Việt Nam hiện đại bởi lẽ nó là một trong những truyện ngắn đầu tiên được viết bằng chữ quốc ngữ, mặc dù cách diễn đạt vẫn còn lưu lại khá rõ dấu ấn của văn học trung đại (lối văn biền ngẫu).

Nội dung truyện kể về sự kiện vỡ đê, nhân vật chính của truyện là viên quan phủ. Cốt truyện gồm ba cảnh, diễn biến theo trình tự thời gian : Cảnh 1: Mưa to gió lớn, nước lũ dâng cao, đê sắp vỡ, dân chúng hồi hải đáp đất giữ đê. Cảnh 2: Đám quan lại, nha lệ, lính tráng mãi mê đánh tổ tôm trong đình. Cảnh 3: Vỡ đê. Tác giả đã vẽ nên bức tranh tương phản giữa sự ăn chơi hưởng lạc của những kẻ cầm quyền với nỗi cơ cực, thê thảm của dân chúng. Thông qua đó lên án gay gắt giai cấp thống trị thối nát, bất tài và vô trách nhiệm trước tài sản, tính mạng của dân nghèo, đồng thời bày tỏ mối thương cảm sâu sắc của mình trước những nỗi đau thương,, hoạn nạn của đồng bào.

Mở đầu thiên truyện là tình thế vô cùng nguy hiểm của khúc đê sông Nhị. Thế đê được nhà văn tả bằng nhiều chi tiết cụ thể về thời gian, không gian: Gần một giờ đêm. Trời mưa tầm tã. Nước sông Nhị Hà lên to quá ; khúc sông làng X thuộc Phủ X xem chừng núng thế lắm, hai ba đoạn đã thấm lậu rồi, không khéo thì vỡ mất.

Cảnh hàng trăm nghìn con người hốt hoảng, lo lắng, tất bật... tìm mọi cách để giữ cho con đê không bị vỡ trước sức tấn công khủng khiếp của nước lũ được tác giả miêu tả bằng ngòi bút hiện thực thấm đẫm cảm xúc xót thương:... kẻ thì thuổng, người thì cuốc, kẻ đội đất, kẻ vác tre, nào đắp, nào cừ, bị bóm dưới bùn lầy ngập quá khuỷu chân, người nào người nấy lướt thướt như chuột lột. Tình cảnh trông thê thảm.

Không khí căng thẳng, hải hùng. Sự đối lập giữa sức người với sức nước đã lên tới đỉnh : Tuy trống đánh liên thanh, ốc thổi vô hồi, tiếng người xao xác gọi nhau sang hộ, nhưng xem chừng ai ai cũng mệt lử cả rồi. Ấy vậy mà trên trời thời vẫn mưa tầm tã trút xuống, dưới thời nước cứ cuộn cuộn bốc lên. Than ôi ! Sức người khó lòng định nổi với sức trời ! Thế đê không sao cự lại được với thế nước ! Lo thay ! Nguy thay ! Khúc đê này hỏng mất. Cảnh dân phu đang loay hoay, tuyệt vọng chống chọi với nước để cứu đê là để chuẩn bị cho sự xuất hiện của cảnh tượng hoàn toàn trái ngược diễn ra trong đình ấy, lũ

con dân đang chân lấm tay bùn, trăm lo nghìn sợ, đem thân hèn yếu mà đối với sức mưa to nước lớn, để bảo thủ lấy tính mạng gia tài, thế thôi nào quan cha mẹ ở đâu?

Thưa rằng : Đang ở trong đình kia, cách đó chừng bốn năm trăm trước. Đình ấy cũng ở trên mặt đê, nhưng cao mà vùng chãi, dầu nước to thế nữa, cũng không việc gì.

Ở cảnh hai này, tác giả kể chuyện viê quan phủ mãi mê chơi tổ tôm với đám quan lại dưới quyền và được lũ sai nha, lính lệ hầu hạ, cung phụng đến nơi đến chốn, Giọng văn tường thuật khách quan cụ thể, chi tiết nhưng đằng sau nó chứa chất thái độ mỉa mai, châm biếm và phản uất.

Trước nguy cơ đê bị vỡ, bậc "phụ mẫu chi dân" cũng đích thân ra "chỉ đạo" việc hộ đê, nhưng trở trêu thay, chỗ của ngài không phải là ở giữa đám dân đen đang vất vả, lấm láp, ra sức cứu đê mà lại ở trong đình với không khí, quang cảnh thật trang nghiêm, nhàn hạ; đèn thấp sáng trung; nha lệ kính tráng, kẻ hầu người hạ, đi lại rộn ràng. Chân dung của quan lớn hiện lên thật cụ thể, sắc nét: Trên sập, mới kê ở gian giữa, có một người quan phụ mẫu, uy nghi chễm chệ ngồi. Tay trái dựa gối xếp, chân phải duỗi thẳng ra, để cho tên người nhà ở dưới đất mà gãi. Một tên lính lệ đứng bên, cầm cái quạt lông, chốc chốc sê phẩy... Đặc biệt là quanh quan có đủ thầy đề, thầy đội nhất, thầy thông nhì và chánh tổng cùng ngồi hầu bài. Quan nhàn hạ, ung dung, không mảy may quan tâm đến tình cảnh thảm thương của dân chúng đang diễn ra trên đê. Trong đình vẫn duy thì cái không khí uy nghiêm của chốn công đường, không hề có một chút liên hệ nào với cảnh hộ đê tất bật ngoài kia của dân phu. Dựng lên hai cảnh đối lập, tác giả có dụng ý tố cáo thái độ vô trách nhiệm, vô lương tâm, sống chết mặc bay của bọn quan lại phong kiến đương thời.

Trên cái nền là cảnh toan chống giặc nước, chân dung "quan phụ mẫu" hiện lên rõ ràng qua những nét vẽ sinh động về hình dạng, cử chỉ, lời nói và diễn biến tâm lý nhân vật. Người đọc không thể tưởng tượng nổi là trong tình cảnh nước sôi lửa bỏng, tính mạng và của cải của hàng nghìn con người đang bị đe dọa từng giờ từng phút, vậy mà "quan phụ mẫu" vẫn điềm nhiên vui chơi, hưởng lạc. Xung quanh hân hân bày biện đủ thứ sang trọng, xa hoa: Bên cạnh ngài, mé tay trái, bát yến hấp đường phèn, để trong khay khảm, khói bay nghi ngút, tráp đồi mồi chữ nhật để mở, trong ngăn bạc đầy những trầu vàng, cau đậu, rễ tía, hai bên nào ống bạc, nào đồng hồ vàng, nào dao chuôi ngà, nào ống vôi chạm, ngóai tai, vĩ thuốc, quần bút, tấm bông trông mà thích mắt.

Quả là hoàn toàn trái ngược với hình ảnh:... mưa gió ầm ầm, dân phu rồi rít... trăm họ đang vất vả lấm láp, gội gió tắm mưa, như đàn sâu lũ kiến ở trên đê... Sự đối lập đó càng làm nổi bật tính cách ích kỷ, độc ác, vô nhân đạo của tên quan phủ và thmar cảnh của dân chúng; đồng thời góp phần gia tăng ý nghĩa phê phán gay gắt của truyện.

Trong khi thảm họa vỡ đê khủng khiếp đang ập vào mắt dân chúng thì bọn nha lại tay chân vẫn cúc cung hầu hạ quan lớn đánh bạc. Tuy chỉ là một cuộc chơi, lại chơi khi làm nhiệm vụ đôn đốc dân phu hộ đê nhưng quan lớn vẫn giữ cái trật tự trên dưới và không

khí tôn nghiêm, nghi vệ như ở chốn công đường : Chung quanh sập, bắc bốn ghế mây, bắt đầu từ phía hữu quan thì có thầy đề, rồi lần lượt đến thầy đội nhất, thầy thông nhì, sau hết giáp phía tay tả ngài, thì đến chánh tổng sở tại cùng ngồi hầu bàn. Mặc cho dân tình nháo nhác, khổ sở, quan vẫn mãi mê dôn hết tâm trí vào các quân bài tổ tôm. Cung cách ấy tố cáo bản chất xấu xa cùng thái độ vô trách nhiệm đến mức vô cùng nhân đạo của hần.

Nếu ở trên mặt đề, không khí sôi động, nhốn nháo, hối hả với công việc cứu đê thì trong đình không khí cũng rộn ràng với những lời lẽ xoay quanh ván bài đen đỏ : "Bát sách! Ăn"; "Thất văn... Phỗng", lúc mau, lúc khoan, ung dung êm ái, kkkhi cười, khi nói vui vẻ dịu dàng... Ngoài kia, đê vỡ mặc đề, nước sông dù nguy không bằng nước bài cao thấp.

Sự đam mê cờ bạc của tên quan phủ với đám nha lại duois quyền diễn ra ngay trên mặt đề, trong hoàn cảnh ngặt nghèo đã nói lên sự tàn ác, vô liêm sỉ của kẻ cầm quyền. Những lá bài tổ tôm có một ma lực lớn đến độ nào mà khiến cho tên quan phủ quên hết trách nhiệm của mình, quên cả mối hiểm nguy, chết chóc đang đe dọa sinh mạng, tài sản của bao người ? Phải ! Hần ta đâu cần biết những điều đó vì quanh hần lúc nào cũng có bọn tay sai mình nọt, hầu hạ, dạ vâng... Chúng thi nhau tỏ ra cho quan biết là: Mình vào được, nhưng không dám cố ăn kìm, rằng: Mình có đôi, mà không dám phỗng qua mặt. Thì ra chúng cố ý nhường cho quan thắng bài liên tiếp để lấy lòng quan lớn. Sau khi quan xơi bát yến vừa xong, ngồi khểnh vuốt râu, rung đùi, mắt đang mãi trông đĩa nọc, bỗng nghe ngoài xa, tiếng kêu vang trời dậy đất. Mọi người đều giật nảy mình, duy quan vẫn điềm nhiên, chỉ lăm le chực người ta bốc trúng quân mình chờ mà hạ. Có người bẩm báo là có khi đê vỡ hần trả lời thật phũ phàng : Mặc kệ! Sau đó lại tiếp tục đánh bài.

Thú cờ bạc và những đồng tiền vơ vét được từ ván bài đã làm cho hần mất hết lương tri: Ngài mà còn dờ ván bài, hoặc chưa hết hời thì đầu trời long đất lở, đê vỡ dân trôi, ngài cũng thấy kệ.

Tính cách của tên quan phủ được tác giả miêu tả khá tỉ mỉ qua các cử chỉ, lời nói thật tiêu biểu. Về cử chỉ : Khi đó, ván bài quan đã chờ rồi. Ngài xơi bát yến vừa xong, ngồi khểnh vuốt râu, rung đùi, mắt đang mãi trông đĩa nọc... Về lời nói: Tiếng thầy đề hỏi : Dạ bẩm bốc! Tiếng quan lớn truyền: Ừ, khi có người chạy vào báo tin đê vỡ, quan đồ đồ mặt tía tai, quay ra quát rằng: Đê vỡ rồi! Đê vỡ rồi, thời ông cahcs cổ chúng mày, thời ông bỏ tù chúng mày! Có biết không? Lính đâu? Sao bay dám để cho nó chạy xồng xộc vào đây như vậy? Không còn phép tắc gì nữa à ? Khi chơi bài, quan lớn tỏ ra vô cùng thành thạo: Ừ ! Thông tôm, chi chi này!... Điều, mày!

Hàng loạt hình ảnh tương phản được tác giả sử dụng rất tài tình trong đoạn văn trên : Tiếng kêu vang trời dậy đất ngoài đê tương phản với thái độ điềm nhiên hưởng lạc của tên quan phủ. Lời nói khe khẽ sợ sệt của người hầu: Bẩm, có khi đê vỡ tương phản với lời gắt của quan cùng cái cau mặt : Mặc kệ! Hình ảnh người nhà quê, mình mẩy lấm láp,

áo quần ướt đầm, tất tả chạy xông vào thờ không ra lời báo tin đê vỡ tương phản với hình ảnh quan lớn đỏ mặt tía tai quay ra quát rằng : Đê vỡ rồi... thời ông cách cô chúng mày.

Trong khi miêu tả và kể chuyện cảnh hộ đê, tác giả thể hiện nỗi xót thương và đồng cảm với nỗi khổ của dân chúng :

Than ôi ! Cứ như cái cách quan ngồi ung dung như vậy, mà hai bên tả hữu, nha lại nghiêm trang, lính hầu rầm rập, thì đó ai dám bảo rằng: gần đó có sự nguy hiểm to, sắp sinh ra một cảnh nghìn sâu muôn thẳm, trừ những kẻ lòng lang dạ thú, còn ai nghĩ đến, mà chẳng động tâm, thương xót đồng bào huyết mạch !...

Thiên truyện khép lại bằng cảnh vỡ đê : Ấy, trong khi quan lớn ù ván bài to như thế, thì khắp mọi nơi miền đó, nước tràn lênh láng, xoáy thành vực sâu, nhà cửa trôi băng, lúa má ngập hết ; kẻ sống không có chỗ ở, kẻ chết không nơi chôn, lênh đênh mặt nước, chiếc bóng bơ vơ, tình cảnh thảm sầu, kể sao siết !

Ở đoạn cuối truyện, tác giả vừa dùng ngôn ngữ miêu tả, vừa dùng ngôn ngữ biểu cảm để tái cảnh tượng vỡ đê và tỏ lòng ai oán cảm thương của mình đối với những người nông dân khốn cùng. Nhà văn muốn nhấn mạnh rằng : Cuộc sống lầm than đói khổ của nhân dân không phải chỉ do thiên tai gây nên mà trước hết và trực tiếp hơn cả là do thái độ thờ ơ vô trách nhiệm, vô nhân đạo của những kẻ cầm quyền đương thời.

Về nghệ thuật, trong toàn bộ tác phẩm, bên cạnh phép tương phản thì phép tăng cấp đã được nhà văn sử dụng một cách có chủ ý nhằm nêu bật ý nghĩa của tác phẩm và khắc họa rõ nét tính cách nhân vật chính là tên "quan phụ mẫu".

Phép tăng cấp thể hiện rõ trong việc miêu tả cảnh hộ đê dưới trời mưa mỗi lúc một dồn dập : Nước sông Nhị lên to quá... Aay vậy mà trên trời thời vẫn mưa tầm tã trút xuống, dưới sông thời nước cứ cuồn cuộn bốc lên giữa tiếng trống, tiếng tù và tiếng người gọi nhau sang hộ đê mỗi lúc một âm ỉ, náo động.

Phép tăng cấp còn được vận dụng vào việc miêu tả cảnh tên quan phủ cùng đám nha lại đánh bài tổ tôm trong đình. Thái độ vô trách nhiệm, vô lương tâm của tên quan phủ mỗi lúc một tăng. Mê bài bạc bỏ nhiệm vụ đôn đốc hộ đê đã đành, đến khi có người phu vào báo tin đê vỡ mà vẫn thờ ơ, lại lên giọng quát nạt bọn tay sai rồi quay lại tiếp tục đánh bài và vui sướng reo to : Ủ! Thông tôm, chi chi này! thì độ say mê cờ bạc quả là làm cho quan lớn mất hết tính người. Nói theo lời bình của nhà văn thì hẳn là loại lòng lang dạ thú.

Nhờ khéo léo kết hợp thủ pháp nghệ thuật tương phản và tăng cấp trong miêu tả, kể chuyện nên tác giả truyện ngắn Sống chết mặc bay đã đạt được mục đích lên án gay gắt tên quan phủ tàn ác và bày tỏ niềm thương cảm sâu sắc trước cảnh nghìn sâu muôn thẳm của nhân dân do thiên tai và do thái độ vô trách nhiệm của kẻ cầm quyền gây nên.

Bài mẫu 2

Truyện ngắn Sông chết mặc bay của Phạm Duy Tốn được in trên báo Nam Phong, số 18, năm 1918. Đến năm 1989, Nhà xuất bản khoa học xã hội tuyển chọn đưa vào tập Truyện ngắn Nam Phong. Tác phẩm được xem là “bông hoa đầu mùa” của truyện ngắn Việt Nam hiện đại bởi lẽ nó là một trong những truyện ngắn đầu tiên được viết bằng chữ quốc ngữ, mặc dù cách diễn đạt vẫn còn lưu lại khá rõ dấu ấn của văn học trung đại (lối văn biền ngẫu).

Nội dung truyện kể về sự kiện vỡ đê, nhân vật chính của truyện là viên quan phủ. Cốt truyện gồm ba cảnh, diễn tiến theo trình tự thời gian: Cảnh 1: Mưa to gió lớn, nước lũ dâng cao, đê sắp vỡ, dân chúng hồi hải đáp đất giữ đê. Cảnh 2: Đám quan lại, nha lệ, lính tráng mãi mê đánh tổ tôm trong đình. Cảnh 3: Vỡ đê. Tác giả đã vẽ nên bức tranh tương phản giữa sự ăn chơi hưởng lạc của những kẻ cầm quyền với nỗi cơ cực, thê thảm của dân chúng. Thông qua đó lên án gay gắt giai cấp thống trị thối nát, bất tài và vô trách nhiệm trước tài sản, tính mạng của dân nghèo, đồng thời bày tỏ mối cảm thương sâu sắc của mình trước những đau thương, hoạn nạn của đồng bào.

Mở đầu thiên truyện là tình thế vô cùng hiểm nguy của khúc đê sông Nhị. Thế đê được nhà văn tả bằng nhiều chi tiết cụ thể về thời gian, không gian: Gần một giờ đêm. Trời mưa tầm tã. Nước sông Nhị Hà lên to quá. Khúc sông làng X, thuộc phủ X xem chừng núng thế lắm, hai ba đoạn đã thấm lậu rồi, không khéo thì vỡ mất.

Cảnh hàng trăm nghìn con người hốt hoảng, lo lắng, tất bật... tìm mọi cách để giữ cho con đê không bị vỡ trước sức tấn công khủng khiếp của nước lũ được tác giả miêu tả bằng ngòi bút hiện thực thấm đẫm cảm xúc xót thương: ... kẻ thì thuổng, người thì cuốc, kẻ đội đất, kẻ vác tre, nào đắp, nào cừ, bị bơm dưới bùn lầy ngập quá khuỷu chân, người nào người nấy lướt thướt như chuột lột. Tình cảnh trông thật thảm.

Không khí căng thẳng, hãi hùng. Sự đối lập giữa sức người với sức nước đã lên tới đỉnh điểm: Tuy trống đánh liên thanh, ốc thổi vô hồi, tiếng người xao xác gọi nhau sang hộ, nhưng xem chừng ai cù cũng mệt lử cả rồi. Ấy vậy mà trên trời thời vẫn mưa tầm tã trút xuống, dưới sông thời nước cứ cuồn cuộn bốc lên. Than ôi! Sức người khó lòng địch nổi với sức trời! Thế đê không sao cự lại được với thế nước! Lo thay! Nguy thay! Khúc đê này hỏng mất. Cảnh dân phu đang loay hoay, tuyệt vọng chống chọi với nước để cứu đê là để chuẩn bị cho sự xuất hiện của cảnh tượng hoàn toàn trái ngược diễn ra trong đình:

Ấy, lũ con dân đang chân lấm tay bùn, trăm lo nghìn sợ, đem thân hèn yếu mà đối với sức mưa to nước lớn, để bảo thủ lấy tính mạng gia tài, thế thời nào quan cha mẹ ở đâu?

Thưa rằng: Đang ở trong đình kia, cách đó chừng bốn năm trăm thước. Đình ấy cũng ở trên mặt đê, nhưng cao mà vững chãi, dầu nước to thế nữa, cũng không việc gì.

Ở cảnh hai này, tác giả kể chuyện viên quan phủ mãi mê chơi tổ tôm với đám quan lại dưới quyền và được lũ sai nha, lính lệ hầu hạ, cung phụng đến nơi đến chốn. Giọng văn tường thuật khách quan cụ thể, chi tiết nhưng đằng sau nó chứa chất thái độ mỉa mai, châm biếm và phẫn uất.

Trước nguy cơ dẽ bị vỡ, bậc “quan phủ mẫu” cũng đích thân ra “chỉ đạo” việc hộ dẽ, nhưng trớ trêu thay, chỗ của ngài không phải là ở giữa đám dân đen đang vất vả, lấm láp, ra sức cứu dẽ mà là ở trong đình với không khí, quang cảnh thật trang nghiêm, nhàn hạ: đèn thấp sáng trung; nha lệ, lính tráng, kẻ hầu người hạ, đi lại rộn ràng. Chân dung của quan lớn được hiện lên thật cụ thể, sắc nét: Trên sập; mới kê ở gian giữa, có một người quan phủ mẫu, uy nghi chễm chệ ngồi. Tay trái dựa gối xếp, chân phải duỗi thẳng ra, để cho tên người nhà quý ở dưới đất mà gãi. Một tên lính lệ đứng bên, cầm cái quạt lông, chốc chốc sẽ phẩy... Đặc biệt là quanh quan có đủ thầy dẽ, thầy đội nhất, thầy thông nhì và chánh tổng cùng ngồi hầu bài. Quan nhàn hạ, ung dung, không mảy may quan tâm đến tình cảnh thảm thương của dân chúng đang diễn ra trên dẽ. Trong đình vẫn duy trì cái không khí uy nghiêm của chốn công đường, không hề có một chút liên hệ nào với cảnh hộ dẽ tấp bập ngoài kia của dân phu. Dựng lên hai cảnh đối lập tác giả có dụng ý tố cáo thái độ vô trách nhiệm, vô lương tâm, sống chết mặc bay của bọn quan lại phong kiến đương thời.

Trên cái nền là cảnh trăm họ lo toan chống giặc nước, chân dung “quan phủ mẫu” hiện lên rõ ràng qua những nét vẽ sinh động về hình dáng, cử chỉ, lời nói và diễn biến tâm lí nhân vật. Người đọc không thể tưởng tượng nổi là trong tình cảnh nước sôi lửa bỏng, tính mạng và của cải của hàng nghìn con người đang bị đe dọa từng giờ từng phút, vậy mà “quan phủ mẫu” vẫn điềm nhiên vui chơi, hưởng lạc. Xung quanh hần bầy biện đủ thứ sang trọng, xa hoa: Bên cạnh ngài, mé tay trái, bát yến hấp đường phèn để trong khay khảm, khói bay nghi ngút, tráp đồi mồi chữ nhật để mở, trong ngăn bạc đầy những trầu vàng, cau đậu, rễ tía, hai bên nào ống thuốc bạc, nào đồng hồ vàng, nào dao chuôi ngà, nào ống vôi chạm, ngoáy tai, ví thuốc, quần bút, tấm bông trông mà thích mắt.

Quả là hoàn toàn trái ngược với hình ảnh: ... mưa gió ầm ầm, dân phu rồi rít... trăm họ đang vất vả lấm láp, gội gió tắm mưa, như đàn sâu lũ kiến ở trên dẽ... Sự đối lập đó càng làm nổi bật tính cách ích kỉ, độc ác, vô nhân đạo của tên quan phủ và thảm cảnh của dân chúng; đồng thời góp phần gia tăng ý nghĩa phê phán gay gắt của truyện.

Trong khi thảm họa vỡ dẽ khủng khiếp đang đập vào mắt dân chúng thì bọn nha lại tay chân vẫn cúc cung hầu hạ quan lớn đánh bạc. Tuy chỉ là một cuộc chơi, lại chơi trong khi làm nhiệm vụ đôn đốc dân phu hộ dẽ nhưng quan lớn vẫn giữ cái trật tự trên dưới và không khí tôn nghiêm, nghi vệ như ở chốn công đường: Chung quanh sập, bắc bốn ghế mây, bắt đầu từ phía hữu quan thì có thầy dẽ, rồi lần lượt đến thầy đội nhất, thầy thông nhì, sau hết giáp phía tay tả ngài, thì đến chánh tổng sở tại cùng ngồi hầu bài. Mặc cho dân tình nháo nhác, khổ sở, quan vẫn mãi mê dôn hết tâm trí vào các quân bài tổ tôm.

Cung cách ấy tố cáo bản chất xấu xa cùng thái độ vô trách nhiệm đến mức vô nhân đạo của hắn.

Nếu ở trên mặt đê, không khí sôi động, nhốn nháo, hối hả với công việc cứu đê thì trong đình không khí cũng rộn ràng với những lời lẽ xoay quanh ván bài đen đỏ: Bát sách ! Ăn; Thất văn,... Phỗng, lúc mau, lúc khoan dung, êm ái, khi cười, khi nói vui vẻ, dịu dàng... Ngoài kia, đê vỡ mặc đê, nước sông dù nguy không bằng nước bài cao thấp .

Sự đam mê cờ bạc của tên quan phủ với đám nha lại dưới quyền diễn ra ngay trên mặt đê, trong hoàn cảnh ngặt nghèo đã nói lên sự tàn ác, vô liêm sỉ của kẻ cầm quyền. Những lá bài tô tôm có một ma lực lớn đến độ nào mà khiến cho tên quan phủ quên hết trách nhiệm của mình, quên cả mối hiểm nguy, chết chóc đang đe dọa sinh mạng, tài sản của bao người? Phải! Hắn ta đâu cần biết những điều đó vì quanh hắn lúc nào cũng có bọn tay sai nịnh nọt, hầu hạ, dạ vâng... Chúng thi nhau tỏ ra cho quan biết là: Mình vào được, nhưng không dám cố ăn kìm, rằng: Mình có đôi, mà không dám phỗng qua mặt. Thì ra chúng có ý nhường cho quan thắng bài liên tiếp để lấy lòng quan lớn. Sau khi quan xơi bát yến vừa xong, ngồi khểnh rung đùi, vuốt râu mắt đang mãi trông đĩa nọc, bỗng ngoài xa, tiếng kêu vang trời dậy đất. Mọi người đều giật nảy mình, duy quan vẫn điềm nhiên, chỉ lăm le chực người ta bốc trúng quân mình chờ mà hạ. Có người bấm báo là có khi đê vỡ, hắn trả lời thật phũ phàng: Mặc kệ! Sau đó lại tiếp tục đánh bài. Thú cờ bạc và những đồng tiền vơ vét được từ ván bài đã làm cho hắn mất hết lương tri: Ngài mà còn dờ ván bài, hoặc chưa hết hội thì dầu trời long đất lở, đê vỡ dân trôi, ngài cũng thây kệ.

Tính cách của tên quan phủ được tác giả miêu tả khá tỉ mỉ qua các cử chỉ, lời nói thật tiêu biểu, về cử chỉ: Khi đó, ván bài quan đã chờ rồi. Ngài xơi bát yến vừa xong, ngồi khểnh vuốt râu, rung đùi, mắt đang mãi trông đĩa nọc... Về lời nói: Tiếng thầy đề hỏi: Dạ bẩm bốc tiếng quan lớn truyền: ừ. Khi có người chạy vào báo tin đê vỡ, quan đỏ mặt tía tai, quay ra quát rằng: Đê vỡ rồi ! Đê vỡ rồi, thời ông cách cổ chúng mày, thời ông bỏ tù chúng mày! Có biết không? Lính đâu? Sao bay dám để cho nó chạy xồng xộc vào đây như vậy ? Không còn phép tắc gì nữa à ? Khi chơi bài, quan lớn tỏ ra vô cùng thành thạo: ừ ! Thông tôm, chi chi này!... Điều, mày !

Hàng loạt hình ảnh tương phản được tác giả sử dụng rất tài tình trong đoạn văn trên: Tiếng kêu vang trời dậy đất ngoài đê tương phản với thái độ điềm nhiên hưởng lạc của tên quan phủ. Lời nói khe khẽ sợ sệt của người hầu: Bẩm, có khi đê vỡ tương phản với lời gắt của quan cùng cái cau mặt: Mặc kệ ! Hình ảnh người nhà quê, mình mẩy lấm láp, áo quần ướt đầm, tất tả chạy xồng vào thở không ra hơi báo tin đê vỡ tương phản với hình ảnh quan lớn đỏ mặt tía tai quay ra quát rằng: Đê vỡ rồi... thời ông cách cổ chúng mày.

Trong khi miêu tả và kể chuyện cảnh hộ đê, tác giả thể hiện nỗi xót thương và đồng cảm với nỗi khổ của dân chúng:

Than ôi ! Cứ như cái cách quan ngồi ung dung như vậy, mà hai bên tả hữu, nha lại nghiêm trang, lính hầu rầm rập, thì đồ ai dám bảo rằng: gần đó có sự nguy hiểm to, sắp sinh ra một cảnh nghìn sầu muôn thảm, trừ những kẻ lòng lang dạ thú, còn ai nghĩ đến, mà chẳng động tâm, thương xót đồng bào huyết mạch!...

Thiên truyện khép lại bằng cảnh đề vớ: Ấy, trong khi quan lớn ù ván bài to như thế, thì khắp mọi run miên đó, nước tràn lênh láng, xoáy thành vực sâu, nhà cửa trôi băng, lúa má ngập hết; kẻ sống không chỗ ở, kẻ chết không nơi chôn, lênh đênh mặt nước, chiếc bóng bơ vơ, tình cảnh thảm sâu, kẻ sao cho xiết !

Ở đoạn cuối truyện, tác giả vừa dùng ngôn ngữ miêu tả, vừa dùng ngôn ngữ biểu cảm để tả cảnh tượng vớ đề và tỏ lòng ai oán cảm thương của mình đối với những người nông dân khốn cùng. Nhà văn muốn nhấn mạnh rằng: Cuộc sống lầm than đói khổ của nhân dân không phải chỉ do thiên tai gây nên mà trước hết và trực tiếp hơn cả là do thái độ thờ ơ vô trách nhiệm, vô nhân đạo của những kẻ cầm quyền đương thời.

Về nghệ thuật, trong toàn bộ tác phẩm, bên cạnh phép tương phản thì phép tăng cấp đã được nhà văn sử dụng một cách tài tình, có tác dụng nhấn mạnh ý nghĩa của tác phẩm và khắc hoạ rõ nét tính cách của nhân vật chính là tên “quan phụ mẫu”.

Phép tăng cấp thể hiện rõ trong việc miêu tả cảnh hộ đề dưới trời mưa mỗi lúc một dồn dập: Nước sông Nhị Hà lên to quá... Ấy vậy mà trên trời thời vẫn mưa tầm tã trút xuống... Dưới sông thời nước cứ cuộn cuộn bốc lên giữa tiếng trống, tiếng tù và tiếng người gọi nhau sang hộ đề mỗi lúc một ầm ỹ, náo động.

Phép tăng cấp còn được vận dụng vào việc miêu tả cảnh tên quan phủ cùng đám nha lại đánh bài tổ tôm trong đình. Thái độ vô trách nhiệm, vô lương tâm của tên quan phủ mỗi lúc một tăng. Mê bài bạc mà bỏ nhiệm vụ đôn đốc hộ đề đã đành. Đến khi có người dân phu vào báo tin đề vớ mà vẫn thờ ơ, lại lên giọng quát nạt bọn tay sai rồi quay lại tiếp tục đánh bài và vui sướng reo to: ừ ! Thông tôm, chi chi này ! thì độ say mê cờ bạc quả đã làm cho “quan lớn” mất hết tính người. Nói theo lời bình của nhà văn là loại lòng lang dạ thú.

Nhờ khéo léo kết hợp thủ pháp nghệ thuật tương phản và tăng cấp trong miêu tả, kể chuyện nên tác giả truyện ngắn Sống chết mặc bay đã đạt được mục đích lên án gay gắt tên quan phủ tàn ác và bày tỏ niềm cảm thương sâu sắc trước cảnh nghìn sầu muôn thảm của nhân dân do thiên tai và do thái độ vô trách nhiệm của kẻ cầm quyền gây nên.

Bài mẫu 3

Bước vào thế kỉ XX, văn học nói chung, truyện (truyện ngắn, truyện dài) Việt Nam nói riêng có nhiều đổi mới, mang tính hiện đại. Truyện ngắn hiện đại thiên về tính chất hư cấu, cốt truyện phức tạp hơn, khắc hoạ được nhiều hình tượng, chi tiết sinh động

nhằm phát hiện bản chất trong quan hệ nhân sinh, trong đời sống tâm hồn con người phong phú, tinh tế hơn truyện cổ tích, truyện ngắn, tiểu thuyết thời xưa. Một trong những tác phẩm mở đầu cho truyện ngắn hiện đại là truyện Sống chết mặc bay của Phạm Duy Tồn.

Tác phẩm kể chuyện một viên quan phủ đang làm nhiệm vụ cai quản, chỉ đạo nhân dân đắp đê chống bão lụt ở một vùng sông nước Bắc Bộ trong một đêm vào đầu thế kỉ XX. Câu chuyện có thể chia ba đoạn.

Đoạn một: từ "Gần một giờ đêm..." đến "... Khúc đê này hỏng mất": nguy cơ đê vỡ và sự chống đỡ tuyệt vọng của người dân.

Đoạn hai: từ "Ấy, lũ con dân..." đến "... Điều mày": cảnh quan phủ và nha lại đánh tởm trong khi "đi hộ đê".

Đoạn ba: phần còn lại : cảnh đê vỡ, nhân dân lâm vào tình trạng thảm sầu.

Với tiêu đề Sống chết mặc bay, dường như tác giả Phạm Duy Tồn muốn tập trung phát hiện và nghiêm khắc phê phán thái độ vô trách nhiệm, bỏ mặc nhân dân trong tình cảnh khốn cùng của một viên quan phủ khi xuống địa phương chỉ đạo việc hộ đê. Đọc tác phẩm, chúng ta nhận rõ nhà văn đã xây dựng các chi tiết, tình huống tương phản, tăng cấp rất đặc sắc. Hai mặt tương phản đó là: trong khi nhân dân phải vật lộn căng thẳng, vất vả đến cực độ trước bão lụt thì viên quan phủ cùng nha lại, chánh tổng - những kẻ chức sắc ở địa phương - say sưa cờ bạc, không mảy may nghĩ tới việc chỉ đạo dân "hộ đê". Đúng là hai bức tranh đời tương phản, đối lập gay gắt, khiến người đọc phải suy ngẫm và xúc động...

Bức tranh thứ nhất, cảnh nhân dân chống bão lụt: về thời gian, đây là lúc "gần một giờ đêm" nghĩa là thời điểm khuya khoắt, mà khi bình thường, mọi người đang ngủ say. Xác định thời gian nửa đêm như thế, nhà văn muốn nói rằng : cuộc hộ đê của nhân dân nơi đây đã kéo dài suốt cả ngày đến tối, tới tận đêm khuya mà chưa được ngơi nghỉ. Nặng nề và căng thẳng biết bao ! Trong khi đó, mưa, gió mỗi lúc một mạnh. "Mưa tầm tã", rồi lại "trên trời thời vẫn mưa tầm tã trút xuống". Phối hợp với mưa, nước sông cũng mỗi lúc một dâng cao. "Nước sông Nhị Hà lên to quá" rồi lại "nước cứ cuồn cuộn bốc lên". Giữa cảnh trời, nước dữ dội, bạo liệt như thế, công cuộc hộ đê của nhân dân diễn ra thế nào ? Nhón nháo, căng thẳng, vất vả, cơ cực, khốn khổ, hiểm nguy vô cùng ! "Hàng trăm nghìn con người ... kẻ thì thuổng, người thì cuốc, kẻ đội đất, kẻ vác tre, nào đắp, nào cừ, bì bõm dưới bùn lầy... người nào người nấy lướt thướt như chuột lột... Trống đánh liên thanh, ốc thổi vô hồi, tiếng người xao xác gọi nhau...". Ngôn ngữ miêu tả rất tập trung. Những tính từ, động từ dồn dập, nối nhau : "tầm tã... tầm tã... cuồn cuộn, đội, vác, đắp, cừ,... bì bõm", kết hợp một hình ảnh so sánh "người nào người nấy lướt thướt như chuột lột" khiến cho người đọc có cảm tưởng được trực tiếp nhìn thấy, nghe thấy, và đang sống giữa một cuộc đắp đê chống bão lụt có thật. Cùng với những từ ngữ, câu văn tả thực, nhà văn đi vào

vài ba câu cảm thán "xem chừng núng thế lắm... không khéo thì vỡ mất... Tình cảnh trông thật là thảm ... Than ôi ! Sức người khó lòng địch nổi với sức trời. Lo thay ! Nguy thay !...". Sự yếu kém của đê điều, sức lực của con người trước thiên tai mỗi lúc một thâm, rất đáng lo ngại, rất đáng xót thương ! Phạm Duy Tồn đã kết hợp ngôi bút tả thực với biểu cảm, trữ tình, dẫn người đọc vào trung tâm cuộc chống đê lay động lòng người, đánh thức những tình cảm đúng đắn trong chúng ta.

Bức tranh đời thứ hai, tương phản với cảnh nhân dân chống lụt cơ cực, vất vả là cảnh viên quan phủ cùng tay chân chơi bời, cờ bạc, hưởng thụ, để dân... Sóng chết mặc bay. Ở bức tranh này, nhà văn cũng dùng ngôi bút tả thực, chân thực đến... lạnh lùng, về địa điểm, bọn quan lại ấy đang ngồi ở trong đình vững chãi, đê vỡ cũng không sao. Quang cảnh, không khí tĩnh mịch, trang nghiêm, mọi người nhàn nhã đánh tổ tôm. "Đèn thấp sáng trưng; nha lộ, lính tráng kẻ hầu người hạ đi lại...". Đặc biệt là hình ảnh viên quan phủ. Hắn "uy nghi, chễm chệ ngồi. Tay trái dựa gối xếp, chân phải duỗi thẳng ra để cho tên người nhà quý ở dưới đất mà gãi...". Bên cạnh, xung quanh hắn là bọn lính lệ châu chực đợi sai khiến và những vật dụng quý giá, đắt tiền như bát yến hấp đường phèn, khay khảm, tráp đồi mồi đựng trầu vàng, cau đậu,... Lại thêm cả đồng hồ vàng, dao chuôi ngà, ống vôi chạm bạc, ngoáy tai, ví thuốc,... Đúng là hình ảnh của một kẻ giàu sang, phú quý, mang danh đi chỉ đạo dân hộ đê mà như đi chơi, để khoe khoang của cải. Đúng là hắn đi... chơi ! Giữa lúc nhân dân đang trầm thảm, nghìn sào thì tên quan cùng đồng bọn say sưa, đắm mình trên chiếu bạc. Ngồi xung quanh hắn, một lũ tay chân nín thin thít hầu hạ quan, tạo mọi điều kiện để quan được thắng bạc. Đến thời điểm ngoài kia đê sắp vỡ, sự gắng sức của dân lên đến đỉnh điểm, thì viên quan hồi hộp đợi chờ ván bài ù to. Ở phần cuối bức tranh, quan phủ ngồi đợi thắng bạc, tác giả sử dụng nghệ thuật miêu tả tăng cấp rất ấn tượng, rất hồi hộp. Hình ảnh đối lập vì thế càng gay gắt. Nghe ngoài xa vẳng vào tiếng kêu vang trời, có người khê nói : "Bầm, đê có khi đê vỡ !". Tên quan gắt : "Mặc kệ !". Khi một người nhà quê hốt hải chạy vào báo tin "Bầm quan lớn đê vỡ mất rồi" thì tên quan đỏ mặt tía tai quát mắng : "Đê vỡ rồi !... thời ông cách cổ chúng mày, bó tù chúng mày !". Hắn đã quên hết nhiệm vụ giúp dân chống lụt, để chỉ đợi một quân bài. Sự đối lập giữa tình cảnh khốn khổ của dân chúng, nỗi âu lo của mọi người xung quanh và thái độ vô trách nhiệm của tên quan lên đến đỉnh điểm. Nhưng chưa dừng lại. Sự đối lập vẫn tiếp tục tăng cấp. Trong khi thầy đề "tay run cầm cập thò vào đĩa nọc..." (nghĩa là người nhân viên này cùng mọi người xung quanh rất lo sợ trước cảnh đê vỡ), thì tên quan sung sướng hả hê ngả ra những quân bài, ù một ván to. Không những thế, hắn còn vỗ tay xuống sập kêu to, miệng vừa cười vừa nói : "Ừ ! Thông tôm, chi chi này !... Điều, mày !". Nghĩa là kẻ quan liêu, vô trách nhiệm ấy reo vui, sung sướng đến tận đỉnh được hưởng thụ một món tiền lớn, giữa lúc nhân dân đau khổ cũng đến mức độ thâm sâu, không thể đo được. Tình huống truyện diễn biến đến đây quả là căng thẳng, sự tương phản, đối lập quả là gay gắt, mâu thuẫn không thể dung hoà. Người đọc như bị cuốn vào câu chuyện và cũng cảm thấy căng thẳng, ngột ngạt, bức bối, tràn đầy nổi tức giận, căm ghét tên quan vô trách nhiệm, tham tiền và tràn đầy tình cảm xót thương những người dân khốn khổ bị lãng quên, bị bỏ mặc... Giận và thương, hai cung bậc cảm xúc ấy dường như thấm đẫm trong từng từ ngữ, câu văn. Kết thúc truyện nhà văn viết : "Ấy, trong khi quan lớn ù ván

to như thế, thì khắp mọi nơi miền đó, nước tràn lênh lán, xoáy thành vực sâu, nhà cửa trôi băng, lúa má ngập hết ; kẻ sống không chỗ ở, kẻ chết không nơi chôn, lênh đênh mặt nước, chiếc bóng bơ vơ, tình cảnh thảm sầu, kể sao cho xiết !". Câu văn kéo dài, nhấn mạnh hai bức tranh đời tương phản, vừa kể chuyện vừa miêu tả, vừa biểu ý vừa biểu cảm. Nhịp câu biền ngẫu, đối xứng lâm li, hài hoà tiếng nắc nghẹn, cảm phần với dòng nước mắt xót đau, thương cảm.

Bằng sự khéo léo trong việc vận dụng kết hợp hai phép tương phản và tăng cấp trong nghệ thuật, tác giả Sóng chết mặc bay đã lên án gay gắt tên quan phủ "lòng lang dạ thú" trước sinh mạng của người dân và bày tỏ niềm cảm thương của mình trước cảnh "nghìn sầu muôn thảm" của nhân dân do thiên tai và cũng do thái độ vô trách nhiệm của kẻ cầm quyền đưa đến. Hai bức tranh đời tương phản, trái ngược ấy đậm đà chất hiện thực và thấm đẫm cảm hứng nhân đạo, nhân văn.